Name: …….. Score: ……

THERE IS / THERE ARE

Để diễn đạt ý "có một" hoặc "có những thứ gì đó", hai cấu trúc tiếng Anh phổ biến nhất được dùng là: **There is** và **There are**.

a. Với danh từ không đếm được

- Cấu trúc:

Khẳng định	**There is + danh từ không đếm được**
Phủ định	**There is not + any + danh từ không đếm được**
Nghi vấn	**- Is there any + danh từ không đếm được?** **- Yes, there is/ No, there is not.**

Chú ý:

There is = There's There is not = There isn't

Ex 1: There is some milk in the bottle.

Ex 2: There is some rice in the bowl.

Ex 3: There is not any meat in the fridge.

Ex 4: There is not any tea in the cup.

Ex 5: Is there any milk in the bottle? - Yes, there is.

Ex 6: Is there any water in the glass? - No, there is not.

b. Với danh từ đếm được

⇨ **Với danh từ đếm được số ít**

- Cấu trúc:

Khẳng định	**There is a/ an + danh từ đếm được số ít**
Phủ định	**There is not + a/ an + danh từ đếm được số ít**
Nghi vấn	**- Is there + a/ an + danh từ đếm được số ít?** **- Yes, there is./ No, there is not.**

LIVEWORKSHEETS

Name: …….. Score: ……

Ex 1: There is an orange in the picnic basket.

Ex 2: Is there an eraser in your pencil case? - No, there is not.

⇨ **Với danh từ đếm được số nhiều**

- **Cấu trúc:**

Khẳng định	**There are + danh từ đếm được số nhiều**
Phủ định	**There aren't + danh từ đếm được số nhiều**
Nghi vấn	**- Are there any + danh từ đếm được số nhiều?** **- Yes, there are/ No, there are not.**

Chú ý: **There are not = There aren't**

Ex 1: There are four balls under the chair.

Ex 2: There are not many people in the room.

Ex 3: Are there any students taking part in the event? - Yes, there are.

PRACTICE

Ex 1. Circle the correct answer.

1. **There is/ There are** two English girls in my school.
2. **Is there/Are there** a good film on tonight?
3. **There isn't/ There aren't** a hall in my house.
4. **There is/ There are** a lot of chairs in the classroom.
5. **Is there/ Are there** blue curtains in your room?
6. **There isn't/ There aren't** a lot of people in the cinema.
7. **There is/ There are** ten boys in the room.
8. **Is there/Are there** any people in the classroom?
9. **There isn't/ There aren't** any books on the table.
10. **There is/ There are** some photos on the wall.

Ex 2. Fill in the blank with "*There is*" or "*There are*".

1. ……. a big bottle on the table.

2. ……. many chairs in the living room.

Ms Tam English class

LIVEWORKSHEETS

Name: …….. Score: ……

3. …….. four cats and a dog in my house.

4. ……. furniture in that room.

5. ……. an ice-cream cone in the fridge.

6. ……. some children in the yard.

7. ……. a laptop, a mouse and two pens in my bag.

8. ……. many quiz programs on TV.

9. ……. a theater near her house.

10. ……. many fans in the room.

Ex 3. Fill in the blank with "*There isn't*" or "*There aren't*".

1. ……. a camel.
2. ……. any birds.
3. ……. any milk.
4. ……. a chair.
5. ……. any cars.
6. ……. crocodiles.
7. ……. an apple.
8. ……. dinosaurs.
9. ……. any wine.
10. ……. a ghost.

Ex. 4. Read and choose.

01: **There is / There are** a cat on the roof.

02: **There isn't / There aren't** many people at the party

03: **Is there / Are there** enough ingredients for the recipe?

04: **There isn't / There aren't** any milk in the fridge.

05: **Is there / Are there** a doctor in the house?

06: **There is / There are** three books on the shelf.

07: **There isn't / There aren't** enough chairs for everyone.

08: **Is there / Are there** any questions about the assignment?

09: **There is / There are** a beautiful sunset in the sky.

Ms Tam English class

LIVEWORKSHEETS

Name: …….. Score: ……

10: **There isn't / There aren't** time to finish the project.

11: **Is there / Are there** a bus stop near here?

12: **There isn't / There aren't** any cookies left in the jar.

13: **Is there / Are there** any hotels in this area?

14: **There is / There are** many students in the classroom.

15: **Is there / Are there** a shortcut to the park?

Ex. 5. Read and write "Yes" or "No".

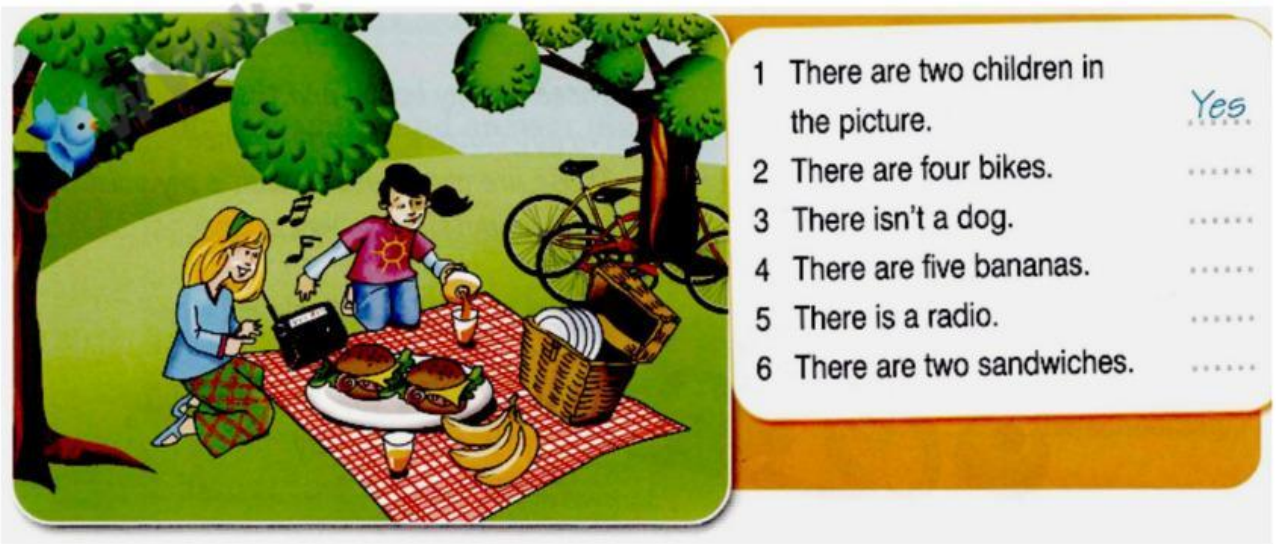

LIVEWORKSHEETS